



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP AAV Group

Ngày 31/12/2025	6,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	5.0%	-4.5%

DT thuần Q4/25
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.5 63.6%
YoY: ▲ 79.0 225%

LN thuần Q4/25
-8.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 41.6 -127%
YoY: ▼ 2.73 -44.0%

LN sau thuế Q4/25
-56.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 90.3 -269%
YoY: ▼ 50.3 -774%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-6.6%
YoY: +/- ▲ 27.7%

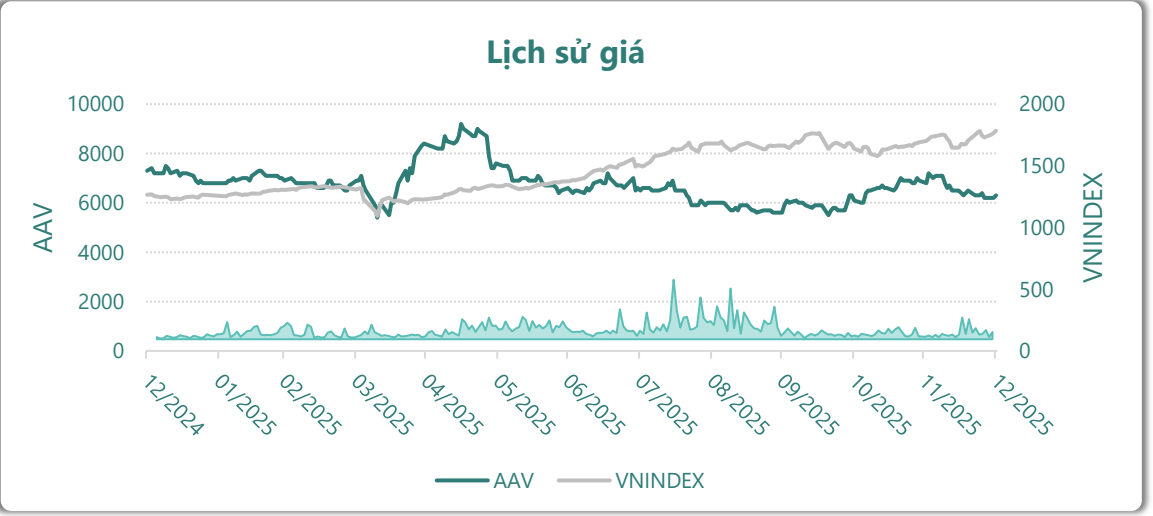
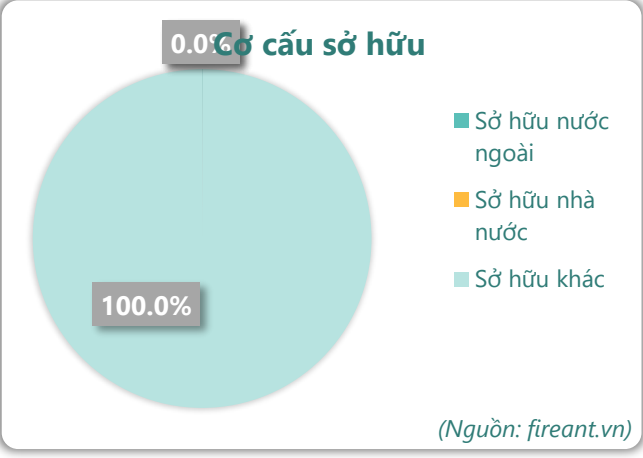
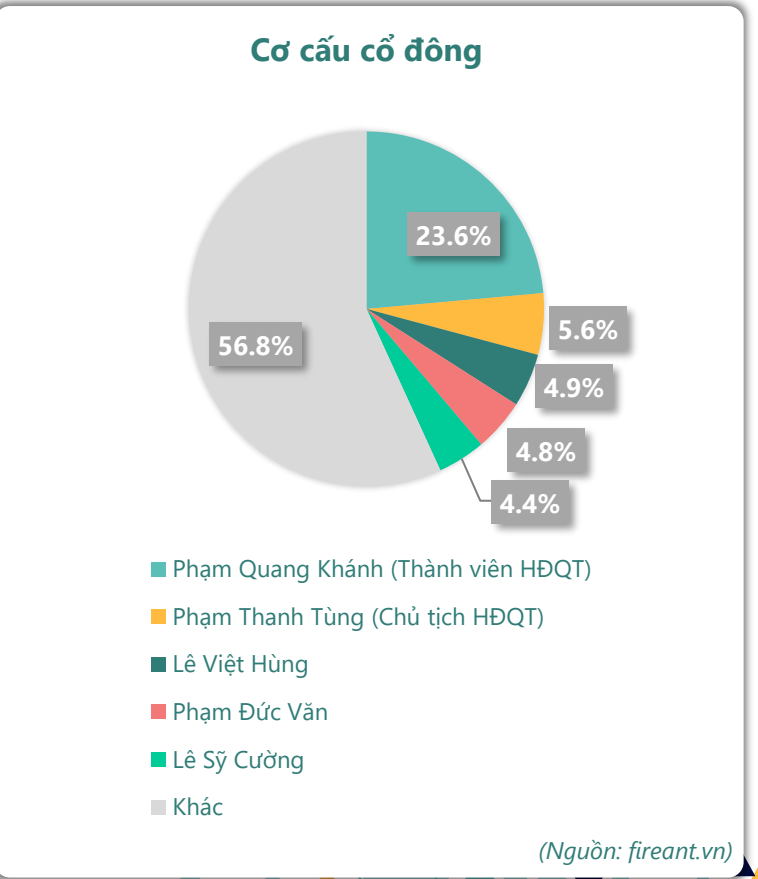
ROE 2025
-3.1%
YoY: +/- ▼ 1.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,400 - 9,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	435
Số lượng CPLH (CP)	68,987,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	234,240
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.82
EPS	-337
P/E	-18.7

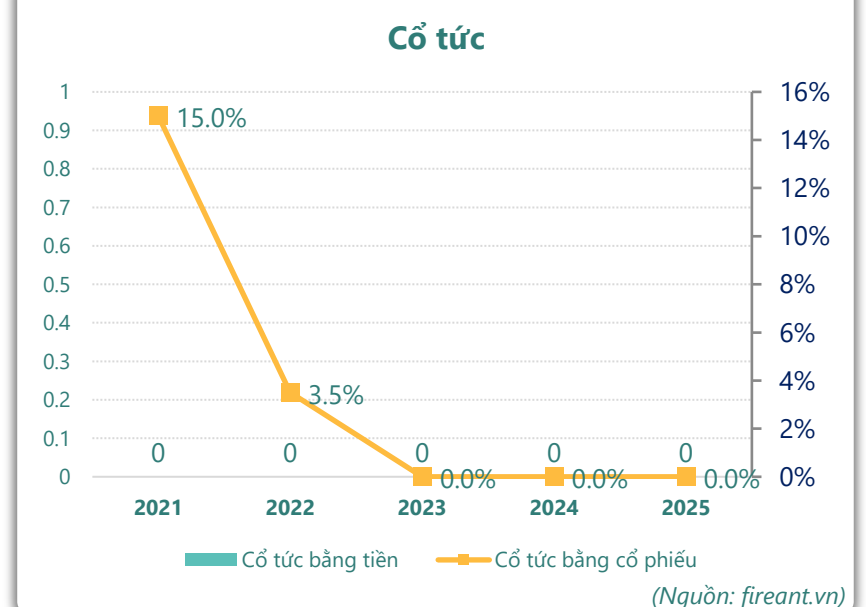
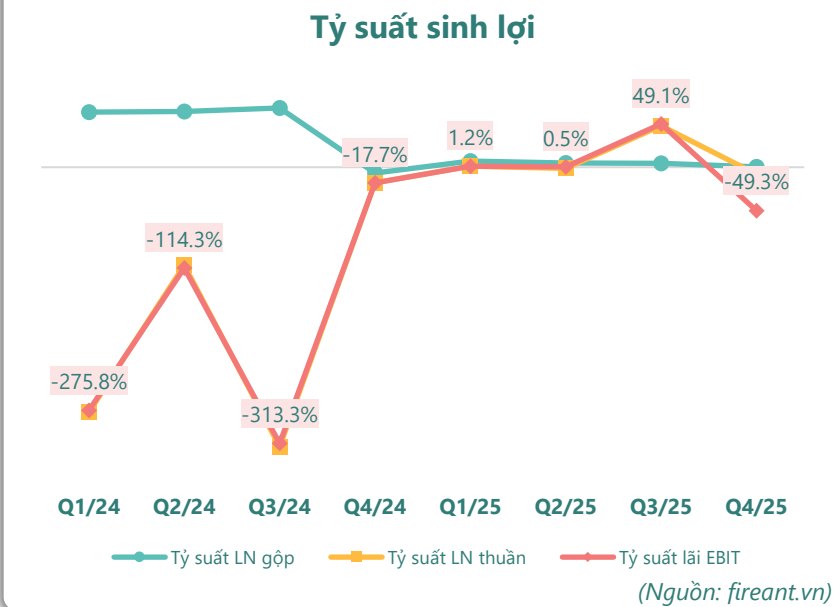
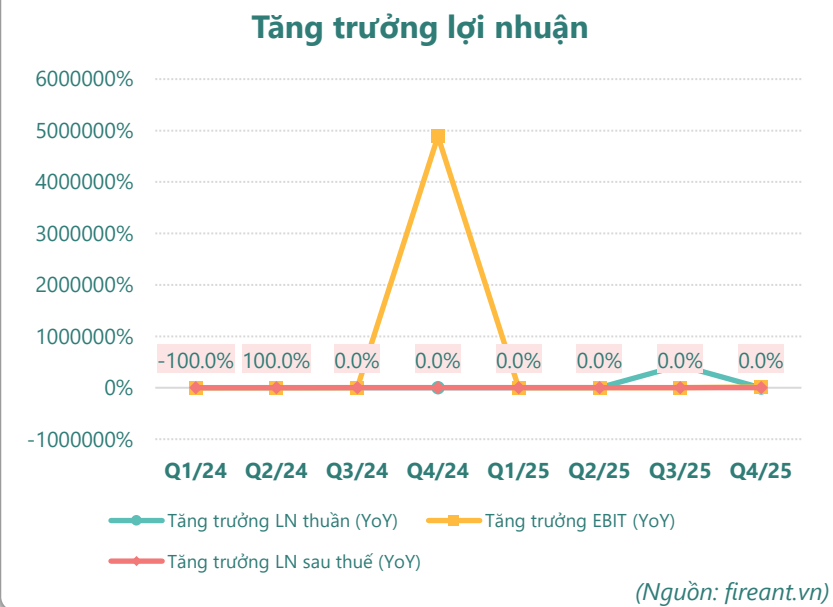
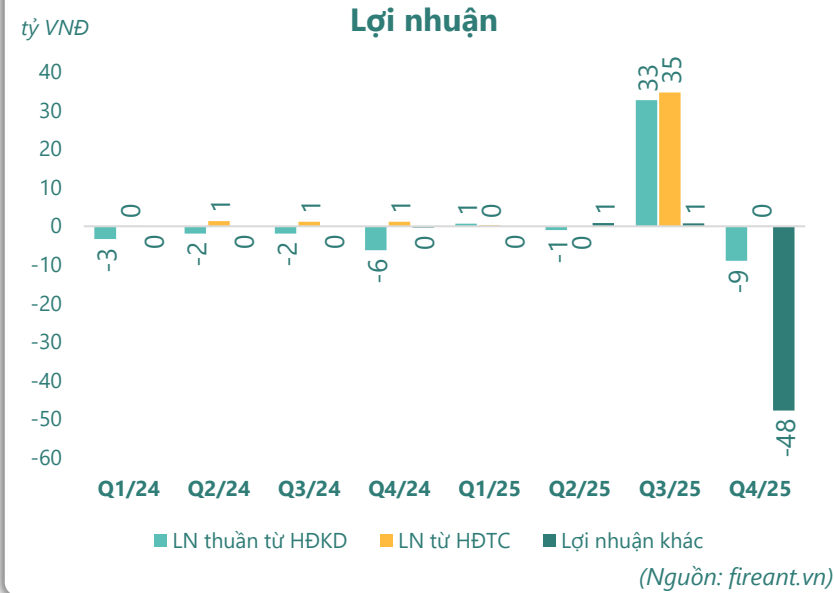
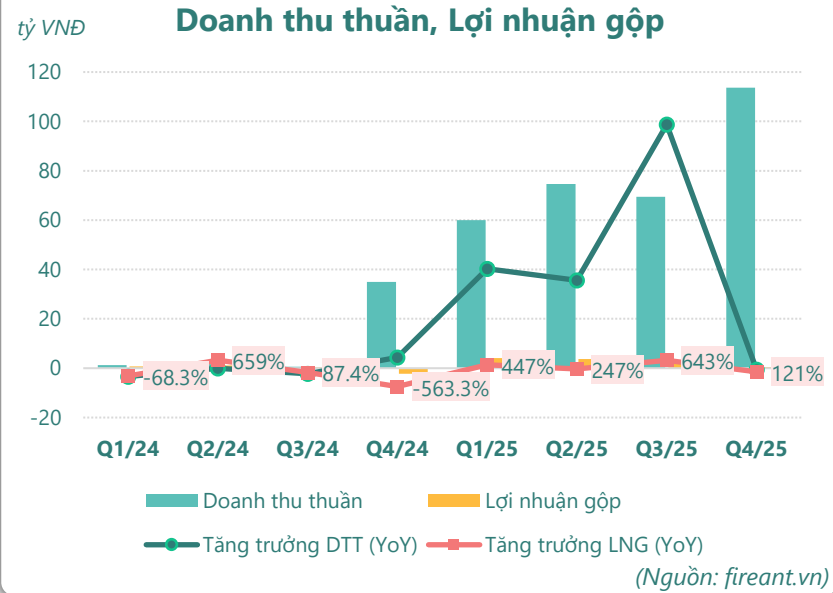
DT thuần 2025
318
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 280 725%

LN thuần 2025
23.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.5 278%

LN sau thuế 2025
-22.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 6.90 -43.8%



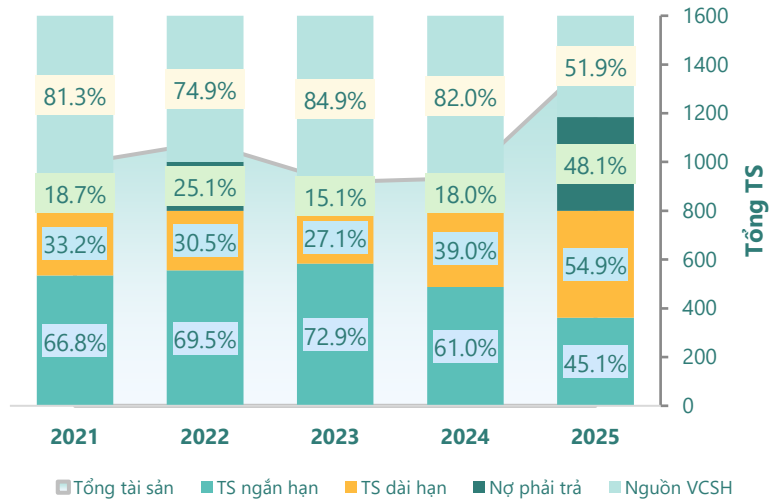
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

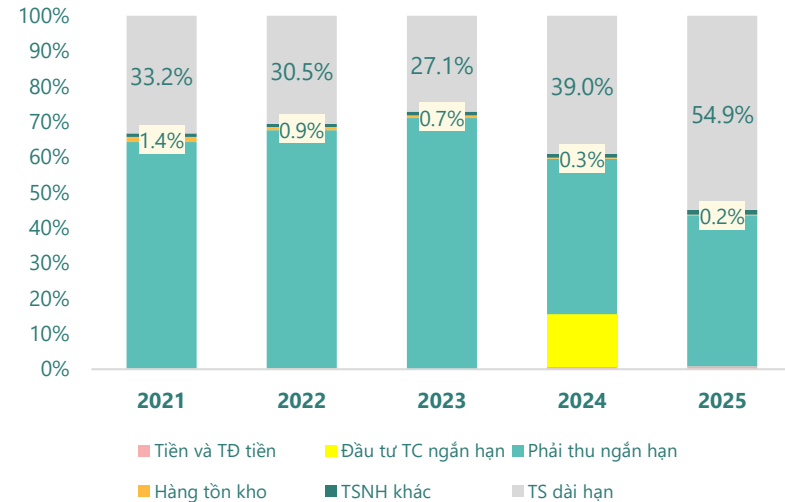
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

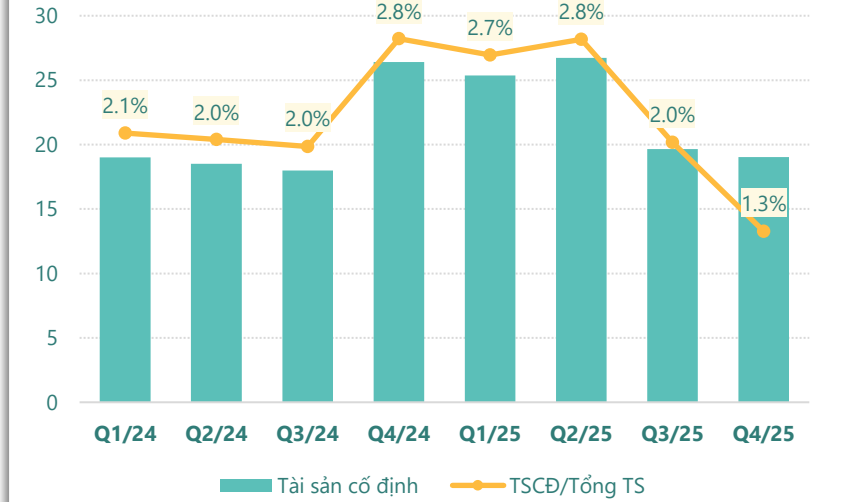
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

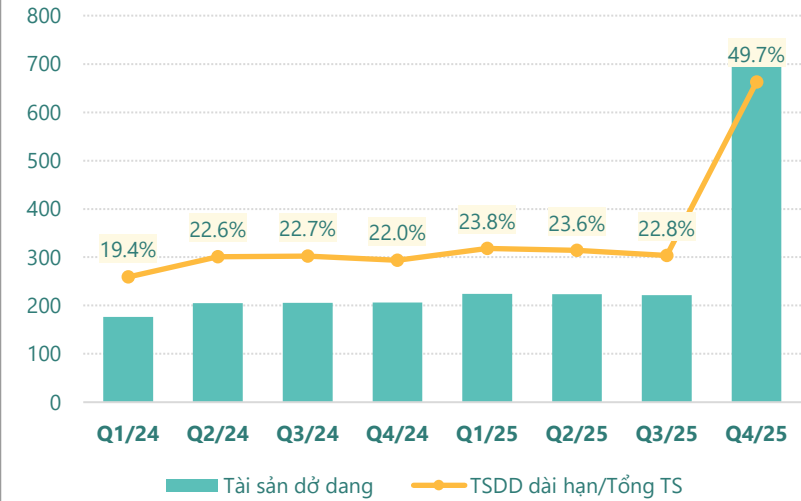
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

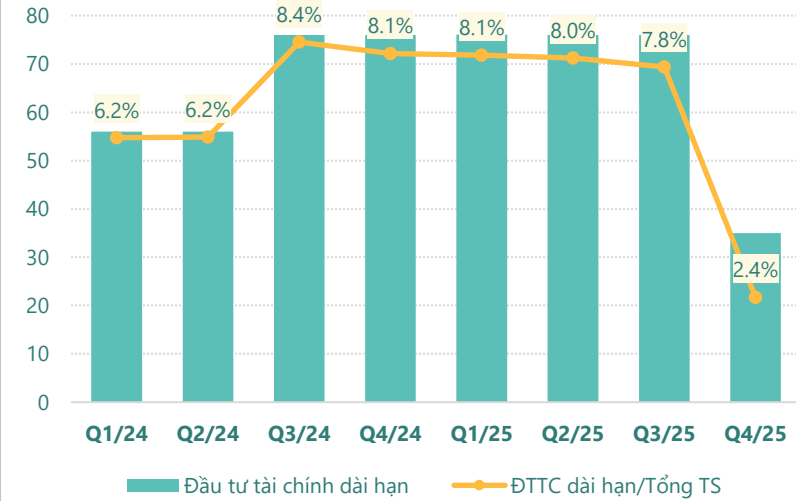
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

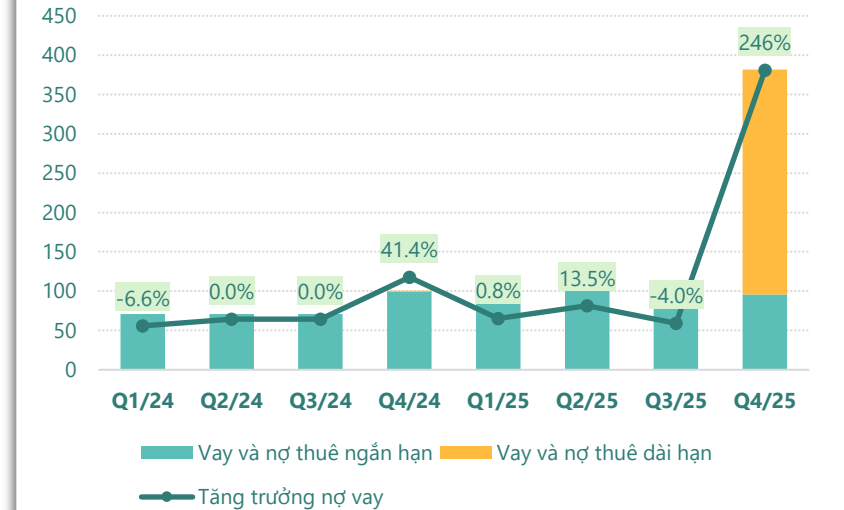
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

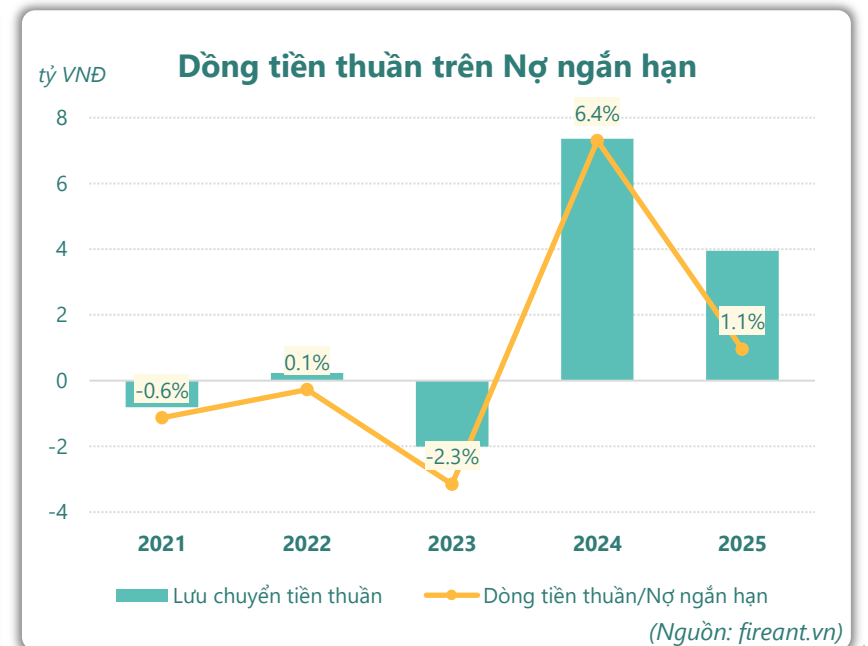
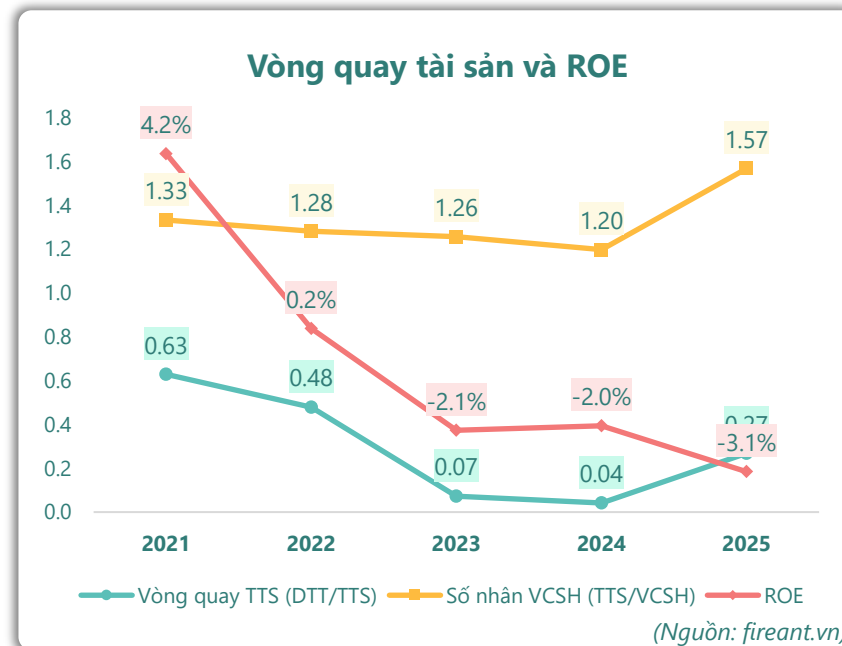
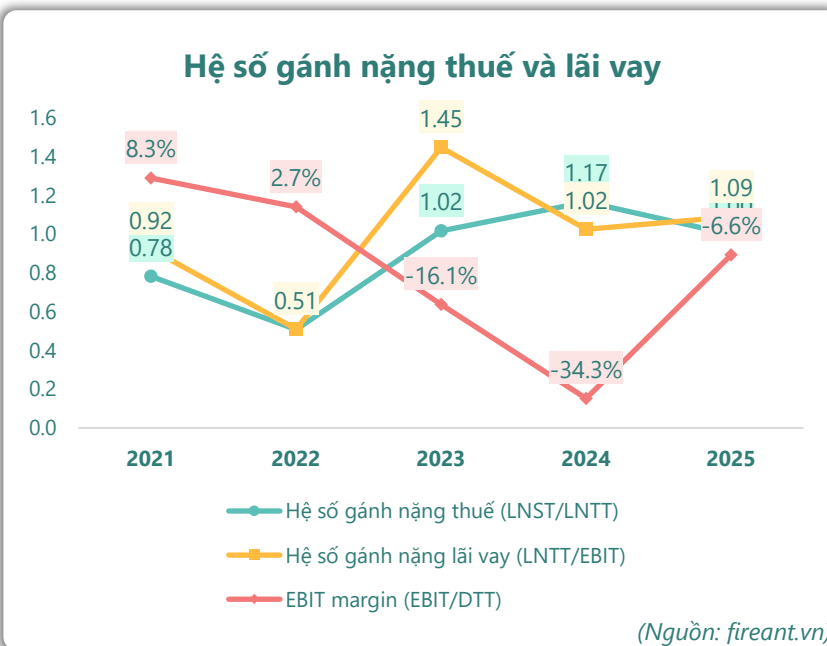
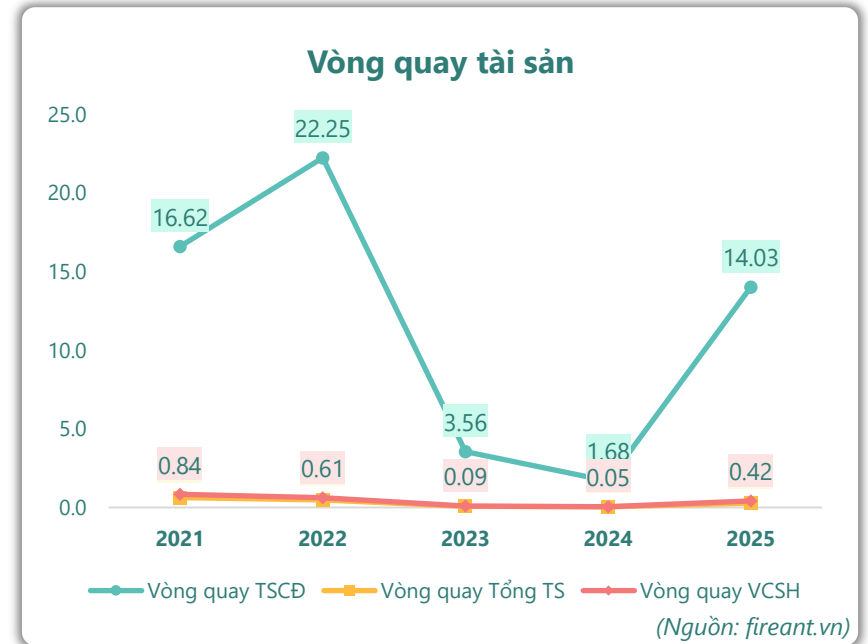
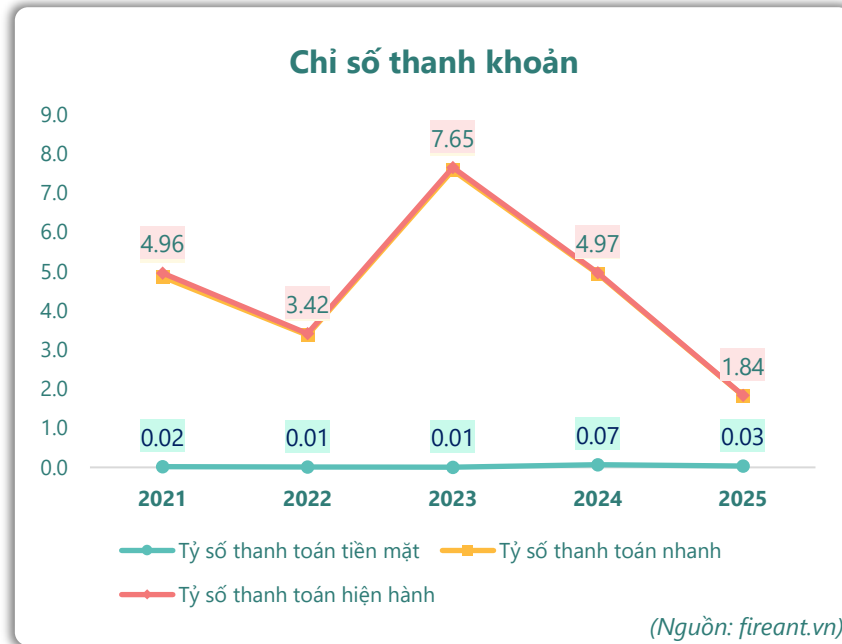
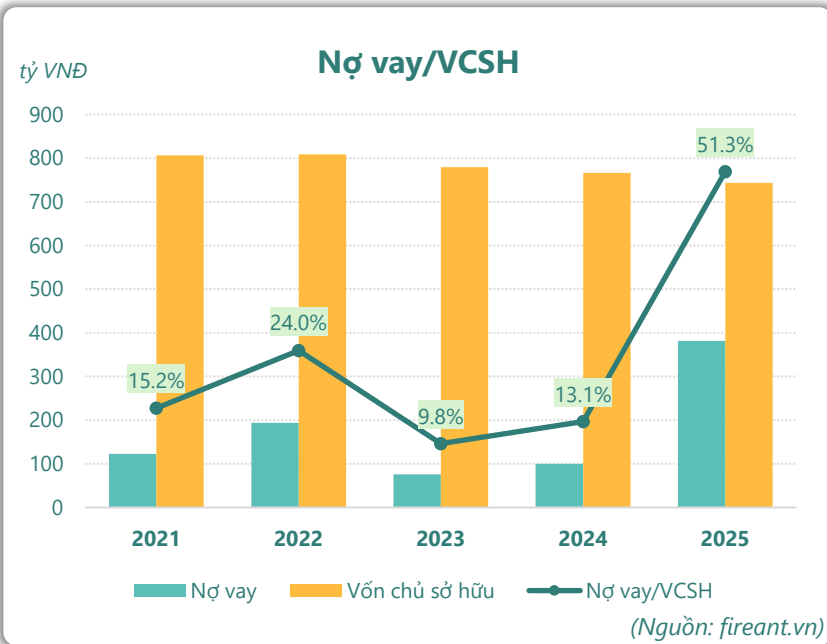
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	114	35.0	225%	318	38.5	725%
Giá vốn hàng bán	113	37.3	204%	306	38.6	694%
Lợi nhuận gộp	0.48	-2.30	121%	11.2	-0.09	12242%
Doanh thu HĐTC	0.74	1.50	-50.5%	36.7	4.10	797%
Chi phí TC	0.62	0.28	123%	1.86	0.31	494%
Chi phí lãi vay	0.62	0.28	123%	1.86	0.31	494%
LN trong công ty LKLD	0.01	0.00		0	0.04	-100%
Chi phí bán hàng	2.97	0.68	337%	2.96	0.74	299%
Chi phí QLDN	6.58	4.45	47.8%	19.7	16.1	22.1%
LN thuần từ HĐKD	-8.94	-6.21	-44.0%	23.4	-13.1	278%
Lợi nhuận khác	-47.8	-0.28	-16963%	-46.1	-0.37	-12444%
LN trước thuế	-56.7	-6.49	-774%	-22.7	-13.5	-67.9%
Lợi nhuận sau thuế	-56.8	-6.49	-774%	-22.7	-15.8	-43.8%
LNST của CĐ cty mẹ	-55.8	-4.89	-1042%	-23.2	-15.7	-48.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.76	-9.40	-117	2.79	-23.5	-340
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.71	2.77	139	-1.53	22.0	41.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	7.58	0.78	13.6	-4.64	271
Tiền đầu kỳ	1.72	4.19	7.79	30.0	44.9	38.7
Lưu chuyển tiền thuần	2.47	0.95	22.2	14.9	-6.21	-26.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.19	5.15	30.0	44.9	38.7	11.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,433	934	53.5%
Tài sản ngắn hạn	646	569	13.5%
Tiền và tương đương tiền	11.8	7.79	50.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	138	-100%
Phải thu ngắn hạn	612	410	49.1%
Hàng tồn kho	2.68	2.83	-5.6%
Tài sản ngắn hạn khác	20.3	10.4	94.5%
Tài sản dài hạn	787	365	116%
Phải thu dài hạn	3.54	3.40	4.2%
Tài sản cố định	19.0	26.3	-27.5%
Bất động sản đầu tư	4.36	4.51	-3.2%
Tài sản dở dang	712	207	244%
Đầu tư tài chính dài hạn	35.0	76.0	-54.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0.21	-100%
Lợi thế thương mại	12.5	47.3	-73.5%
Nợ phải trả	690	168	311%
Nợ ngắn hạn	351	115	207%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.8	100	-4.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.22	10.1	-38.5%
Nợ dài hạn	338	53.2	537%
Vay và nợ thuê dài hạn	286	0.25	115595%
Nguồn vốn chủ sở hữu	744	766	-2.9%
Vốn chủ sở hữu	744	766	-2.9%
Vốn điều lệ	690	690	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

